TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 80/2018/HNGĐ - ST Ngày: 30-8-2018 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thanh Phương
Bà Nguyễn Thị Thật

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Trung A, sinh năm 1989

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị G, sinh năm 1992
Cùng địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Trung A và chị G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2018 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn anh Võ Trung A trình bày: Anh Trung A và chị Trần Thị G xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 29 tháng 3 năm 2012. Việc kết hôn do anh và chị G đều tự nguyện. Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị G. Nguyên nhân anh Trung A yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Anh Trung A và chị G có 01 người con chung là cháu Võ Thị Lan A, sinh ngày 24/9/2012. Nếu ly hôn, anh Trung A đồng ý giao con chung cho chị G nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trung A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị G trình bày theo bản tự khai ghi ngày 19/6/2018: Chị và anh Võ Trung A xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 29 tháng 3 năm 2012. Nay chị đồng ý ly hôn với anh Trung A, lý do chị đồng ý ly hôn là quan hệ hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, anh Trung A không tôn trọng chị cùng với gia đình chị.

Về con chung: Chị và anh Trung A có 01 người con chung là cháu Võ Thị Lan Anh, sinh ngày 24/9/2012. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và đồng ý việc anh Trung A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất của ông Võ Văn T (là cha của anh Trung A), nhưng chị G không nộp khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung nêu trên.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chị G không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trung A; giao con chung cho chị G nuôi dưỡng, anh Trung A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Trung A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chi G vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 277 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị G và anh Võ Trung A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Trung A và chị Trần Thị G xây dựng gia đình với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 29/3/2012, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn

nhân gia đình năm 2000. Anh Trung A xin ly hôn với chị G với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị G cũng thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không tôn trọng nhau và chị G đồng ý ly hôn với anh Trung A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trung A, xử cho anh Trung A được ly hôn với chị G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Anh Trung A và chị G có 01 người con chung là cháu Võ Thị Lan A, sinh ngày 24/9/2012. Anh Trung A và chị G thống nhất giao con chung cho chị G nuôi dưỡng và anh Trung A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho chi G trực tiếp nuôi dưỡng và anh Trung A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị G khai vợ chồng có 01 căn nhà trên phần đất của ông Võ Văn T (là cha ruột của anh Trung A). Tòa án đã thông báo cho chị G biết được quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nhưng chị G không đến Tòa làm việc và không nộp đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị G và anh Trung A được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Võ Trung A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của anh Võ Trung A đối với chị Trần Thị G.

Xử cho anh Võ Trung A được ly hôn với chị Trần Thị G.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Võ Thị Lan A, sinh ngày 24/9/2012 cho chị Trần Thị G nuôi dưỡng. Anh Võ Trung A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lan Anh thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Anh Võ Trung A được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Về án phí: Anh Võ Trung A phải chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 003656 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Trung A còn phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Anh Võ Trung A và chị Trần Thị G được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Long Thọ, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm